

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1.2.3.2



Người trình bày: TS. Hoàng Ngọc Phong

PGĐ TRUNG TÂM TV PTKT- HỘI KHOA HỌC KINH TẾ VIỆT NAM

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

ĐẤT ĐAI

Đất phèn, đất phù sa, đất mặn ven biển và các loại đất khác

ĐỊA HÌNH

Tương đối bằng phẳng

Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt

NGUỒN NƯỚC

Được lấy từ hai nguồn chính là sông Mê Kông và nước mưa

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

KHI HẬU

Nền nhiệt, chế độ bức xạ nhiệt, chế độ nắng cao và ổn định.

HỆ SINH THÁI VÀ ĐỘNG VẬT

HỆ SINH THÁI

Hệ sinh thái rừng ngập, hệ sinh thái đầm lầy nội địa, hệ sinh thái cửa sông

ĐỘNG VẬT

Đa dạng, phong phú

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có DTTN khoảng 40.604 km² với trên 700 km bờ biển, dân số 17,5 triệu người. Vùng ĐBSCL đóng góp khoảng 18% GDP, với 90% lượng gạo xuất khẩu, gần 60% xuất khẩu thủy sản và 70% sản lượng trái cây của cả nước.

Thành tựu phát triển kinh tế-xã hội đạt được thời gian qua là rất to lớn, nhưng đang phải trả giá do những hệ lụy từ khai thác của con người và của các quy hoạch "trái tự nhiên". Tình hình mới đòi hỏi phải thích ứng chuyển đổi mô hình tìm hướng ra cho vùng ĐBSCL để phát triển nhanh, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vẫn đang là câu hỏi lớn ?.

Cần hơn hết là một quy hoạch tổng thể tích hợp, với các định hướng mang tính chiến lược với tầm nhìn dài hạn, các kế hoạch cụ thể, rõ ràng, để có thể thực sự mở lối ra cho vùng ĐBSCL vốn lâu nay vẫn được đánh giá có nhiều tiềm năng để phát triển.



II. NHỮNG THÁCH THỨC LỚN ĐẶT RA ĐỐI VỚI VÙNG ĐBSCL TRONG ĐK BĐKH VÀ NƯỚC BIỂN DÂNG

Thách thức trong nội tại vùng, ngoài việc mất rừng ngập mặn, rừng tràm, còn là việc khai thác cát quá mức trên s.Tiền, s.Hậu, làm thâm hụt cân cân trầm tích, gây lún sụt, sạt lở.

Dự báo ảnh hưởng của BĐKH & NBD đã được đưa ra năm 1988, cho thấy ĐBSCL là một trong một trong ba châu thổ lớn của thế giới bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi BĐKH.

Thách thức từ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế, từ biến đổi khí hậu buộc nền kinh tế vùng ĐBSCL phải có sức cạnh tranh cao hơn và phải có chỗ đứng trong chuỗi giá trị toàn cầu, thích ứng với diễn biến của khí hậu, cạnh tranh toàn cầu và các lợi thế mới của cách mạng công nghiệp 4.0.



Thách thức



Năng suất lao động, chất lượng NNL thấp, mức độ cơ giới hóa và mạng lưới KCHTK và TKT chưa tương xứng với tiềm năng của đồng bằng và nhất là do thiếu một cơ chế phát triển vùng để tạo nên sức mạnh tổng hợp; do thiếu sự liên kết chuỗi nên giá trị các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực thương thấp, sức cạnh tranh yếu.

Thách thức về việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn châu thổ, trong đó có việc chuyển nước sang lưu vực sông khác, và nhất là việc khai thác thủy điện trên dòng chính sông Mekong từ cao nguyên Tây Tạng trở xuống trong khi nhu cầu về nước dưới hạ lưu ngày càng tăng.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH H

1. ĐỔI MỚI TƯ DUY, CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

“Tại sao chúng ta phải giữ trọng trách nặng nề để đảm bảo an ninh lương thực, trong khi ai cũng biết trồng lúa không thể giúp nông dân làm giàu?”



“Tại sao chúng ta phải trồng những giống lúa chất lượng thấp để xuất khẩu với giá rẻ cho người nghèo trong hơn 1/4 thế kỷ qua với vị trí số 2, số 3 thế giới. Nhiều người còn cho đó là nguồn “ANLTQG” ?
Thực tế, ở ĐBSCL chỉ cần đảm bảo nước ngọt cho hơn 1 triệu hecta chuyên canh lúa NSC, CLC thừa đủ để người dân sống tốt .



Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng cần thay đổi tư duy về **ANLT**, về làm **NN** là **cứ tập trung làm lúa gạo, mãi phải hướng đến một nền NN có NS, CL, có giá trị cao**. Chuyển dịch SX là làm cho TNND tăng lên, giảm chênh lệch về mức sống giữa NT&TT, nhưng phải “**bảo đảm ANLTQG**”. **Nên giảm DT đất canh tác lúa ở mức hợp lý, không đặt mục tiêu trồng lúa để XK với giá rẻ, nông dân không có lãi và Nhà nước lại phải đầu tư lớn. Khái niệm về ANLT cần được mềm hóa hơn.**

Ở vùng ĐBSCL chỉ cần đảm bảo nước ngọt cho khoảng 1 triệu hécta chuyên canh lúa năng suất cao, chất lượng cao thừa đủ để người dân sống tốt

Với 500 ngàn hécta nhiễm mặn, khi đã thay đổi cơ cấu sản xuất, chỉ cần cung cấp nước ngọt không lớn để pha loãng và nuôi trồng thủy sản

Công nghiệp chế biến nông thủy sản tại địa phương được đảm bảo nguồn nước sạch, kể cả sử dụng nước tuần hoàn.

Nông dân yên tâm có nước ngọt để sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) và người dân cả vùng an tâm sinh sống



Còn khoảng 500 ngàn hécta nhiễm mặn có thể trồng lúa mùa đặc sản và tôm một vụ, sẽ có giá trị cao hơn

Việc đảm bảo nước ngọt cho khoảng 1 triệu hécta cũng sẽ nhẹ nhàng hơn so với việc cứu thêm 500 ngàn hécta nhiễm mặn

III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH (Tiếp)

2.CẦN CÓ CHIẾN LƯỢC SỬ DỤNG TỔNG HỢP NGUỒN NƯỚC VF BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÙNG ĐBSCL

Chiến lược sử dụng TỔNG HỢP nước phụ thuộc rất lớn từ thượng nguồn sông Mê Công. Vì vậy, các nước (6 quốc gia) phải xây dựng một cơ chế sử dụng nguồn nước, trong đó quyền và lợi ích của mỗi quốc gia phải đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cả lưu vực, trên tinh thần hợp tác để cùng phát triển.

ĐBSCL mặc dù là vựa lúa lớn nhất cả nước, nhưng NN hầu hết vẫn phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên và rất dễ bị tổn thương trước tình trạng BĐKH

Tìm kiếm Chiến lược thích ứng (thích nghi) với BĐKH nói chung, tác động từ thượng lưu và từ biển, cùng sự tác động đa chiều của đô thị hóa, hiện đại hóa mạng KCHT đồng bộ...sẽ là những vấn đề cần có nghiên cứu cụ thể và ở tầm nhìn dài hạn.

Các chính sách ứng phó trong lĩnh vực NN-NT cần gắn kết cả quá trình đô thị hóa trong điều kiện mới, để tránh xảy ra các xung đột không đáng có do chính các giải pháp thiếu phối hợp của chúng ta.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH (Tiếp)

3. NÊN ĐỐI PHÓ VỚI TN HAY THÍCH ỨNG THEO TN NHƯ ĐÃ TỪNG SCVL ? “Ứng vạn biến”, vùng ĐBSCL sẽ vượt qua thử thách thiên niên kỷ về BĐKH, NBD - Để thích ứng và phát triển theo P/Châm “sống chung với mặn

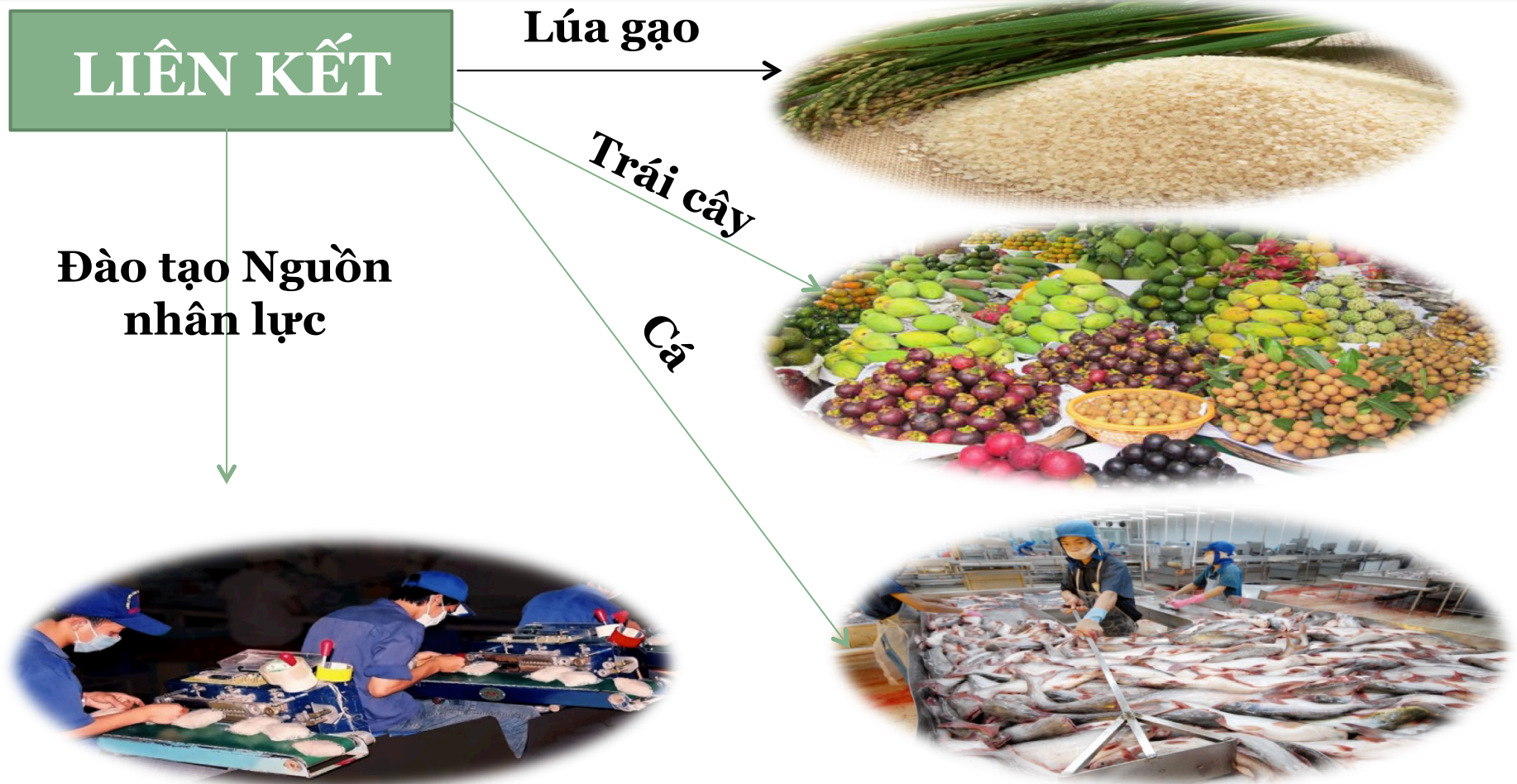
Có cần ngăn mặn triệt để chống lại tự nhiên không?

Khi mà thực tế đã chứng minh, nhiều địa phương ở các vùng ngập mặn đã thay đổi cơ cấu sản xuất từ hai vụ lúa sang một vụ lúa, một vụ tôm/cá và thích nghi tốt với biến đổi khí hậu, vừa đảm bảo đời sống của người dân mà lại không tốn quá nhiều chi phí đầu tư ngăn mặn.

Nếu việc thích nghi với tự nhiên dễ dàng hơn so với việc làm trái tự nhiên, tại sao chúng ta không chọn thích nghi với tự nhiên?

Những năm 1989-1990, khi TH DA ngọt hóa bán đảo Cà Mau khiến nhiều chuyên gia người dân trong vùng không đồng thuận. Khi DAHT, việc trồng lúa trên chân ruộng đất nhiễm mặn mang lại NS thấp, tốn nhiều công và chi phí cao. Người dân ở Ngọc Hiển, Năm Căn (Cà Mau), khi lúa mất hàng ngàn hecta, người dân cũng phá đê ngăn mặn để dẫn nước vào nuôi tôm. ..

4. HƠN BAO GIỜ HẾT MÔ HÌNH VỀ CƠ CHẾ, LIÊN KẾT CHUỖI, LIÊN KẾT VÙNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG LÀ BỨC THIẾT. Đến nay, DN đầu tư vào NN chiếm dưới 1% tổng vốn mà họ đã ĐT. Đây xem như là chưa thành công của C/S liên kết DN với NN. Nếu không có DN tham gia là khó thành công. Trách nhiệm của N/nước là cần có CS thể nào để thúc đẩy, khuyến khích ĐT của DN vào NN tăng lên trong các năm tới.



Đối với lúa gạo. Hiện nhiều doanh nghiệp (DN) kinh doanh lương thực đang tiến hành liên kết với nông dân ở ĐBSCL. Chẳng hạn Công ty ADC (TP.HCM) hỗ trợ kinh phí cho HTX Mỹ Thành (Tiền Giang) xây dựng mô hình sản xuất để được công nhận lúa đạt tiêu chuẩn Global GAP, sau đó bao tiêu toàn bộ số lúa này với giá cao hơn thị trường tới 20%. Hay Công ty Lương thực Tiền Giang ký hợp đồng bao tiêu hàng trăm hecta lúa chất lượng cao và an toàn của huyện Cai Lậy nhiều năm nay, đảm bảo nông dân có lãi và không lo lúa ứ đọng.



Đối với cây ăn trái. Đến nay, chưa có DN trong nước nào liên kết với nông dân thành công như Metro Cash&Carry. Tập đoàn này tham gia ngay từ đầu, hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình trồng vú sữa lò rèn Vĩnh Kim (Tiền Giang) và xoài cát Hòa Lộc tại Nông trường Sông Hậu theo tiêu chuẩn Global GAP. Sau khi được cấp chứng chỉ quan trọng này, Metro cũng bao tiêu luôn sản phẩm để phân phối trong hệ thống trên toàn thế giới. Rõ ràng sự liên kết này đã đem lại lợi ích lớn cho cả DN và nông dân. DN có nguồn nguyên liệu cao cấp phục vụ người tiêu dùng. Còn nông dân vừa được tiếng trồng cây ăn trái tiêu chuẩn quốc tế, vừa bán được sản phẩm với giá cao gấp nhiều lần so với bình thường. Mỗi liên kết này còn đem lại giá trị tinh thần rất lớn cho nhà nước địa phương trong việc quảng bá hình ảnh.





Đối với lĩnh vực thủy sản. Mối liên kết giữa hai “nhà” DN và nông dân rõ nhất, hiệu quả nhất ở ĐBSCL là cá tra. Hầu hết DN xuất khẩu cá tra ở ĐBSCL hiện nay đều tự chủ nguồn nguyên liệu bằng cách ký hợp đồng liên kết với nông dân thông qua các HTX hoặc tổ hợp tác. Với cách làm này, các DN không lo thiếu nguyên liệu mà nông dân nuôi cá cũng không phải bỏ quá nhiều vốn đầu tư và không sợ bị thua lỗ.



II. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH

5. XÂY DỰNG HẠ TẦNG KẾT NỐI ĐỒNG BỘ VỚI CÁC CÔNG TRÌNH MANG TÍNH ĐỘNG LỰC THEO HƯỚNG ĐỒNG BỘ ĐA MỤC TIÊU

- ☐ Ngoài việc đầu tư nâng cấp các sân bay, cảng pha sông biển ở Cái Cui, Gành Hào...
- ☐ Các tuyến Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ,
- ☐ Cầu Đại Ngãi (nối Trà Vinh - Sóc Trăng),
- ☐ Đường hành lang ven biển phía Nam, tuyến N1...,
- ☐ Các tuyến đường thủy Hồ Chí Minh - Cà Mau,
- ☐ Hồ Chí Minh - Kiên Lương,
- ☐ Tuyến Mộc Hóa - Hà Tiên,
- ☐ Tuyến Rạch Giá - Cà Mau,
- ☐ Tuyến sông Hậu qua cửa Định An - Tân Châu...

Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đã hoàn thành và đang chuẩn bị đón những chuyến tàu trọng tải lớn đầu tiên vào sông Hậu.

“Đây là bước ngoặt ghi dấu sự thành công của một dự án có ý nghĩa chiến lược khi đã mở đường ra biển lớn cho vùng ĐBSCL”.



III. ĐỊNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH

5. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHẢI GIẢI QUYẾT ĐƯỢC TÌNH TRẠNG ĐBSCL ĐANG LÀ VÙNG TRũng VỀ GD-ĐT VÀ PT NNL

Chất lượng NNL, các chỉ số về giáo dục, đào tạo, dạy nghề trong vùng còn thấp xa so với mức bình quân chung của cả nước cũng là một điều kiện không thuận lợi so với các vùng khác. Để phát triển bền vững, phải giải quyết tình trạng đồng bằng đang là vùng trũng về giáo dục, đào tạo và phát triển NNL



KẾT LUẬN

- Ứng phó với BĐKH và NBD mang tính quốc gia, khu vực, toàn cầu và phải được coi là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và mọi người dân được tiến hành dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững, tổng hợp, ngành, liên ngành, vùng, liên vùng
- Việc này đang chờ đợi sự cống hiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, sự vào cuộc quyết liệt của các Bộ ngành, các địa phương để định hình chuyển đổi mô hình phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu với tầm nhìn đến năm 2100

XIN CẢM ƠN !

